

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU  
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 01 tháng 7 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI HÀNG NĂM**  
**THEO THÔNG TƯ SỐ 36/2017/TT-BGDĐT.**

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THPT Nguyễn Trãi xin báo cáo như sau:

**I. Mục đích thực hiện công khai**

1.1. Thực hiện công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội được biết.

1.2. Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

**II. Nguyên tắc thực hiện công khai**

2.1. Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định.

2.2. Thông tin được công khai tại trên các trang thông tin điện tử theo quy định phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

**III. Nội dung công khai**

3.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

- Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, điều kiện cơ sở vật chất, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh. (**Biểu mẫu 09**).

- Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng, có phân biệt theo các khối lớp (**Biểu mẫu 10**).

- Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

- Kiểm định cơ sở giáo dục: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

- Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (**Biểu mẫu 11**).

- Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (**Biểu mẫu 12**).

3.3. Công khai thu chi tài chính:

- Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Quy chế.

- Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

- Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

#### **IV. Hình thức và thời điểm công khai**

Thực hiện công khai tại bảng thông báo của nhà trường và trong Hội nghị cha mẹ học sinh, Hội nghị cán bộ viên chức, dán ở bảng thông tin của nhà trường để giáo viên, nhân viên và học sinh được biết

#### **V. Đánh giá chung**

Nhà trường có tiến hành thực hiện 3 công khai theo Thông tư 36/2017 của Bộ GD&ĐT quy định. Nội dung công khai có theo mẫu hướng dẫn. Qua đây giúp cho phụ huynh biết được chất lượng giáo dục, tình hình cơ sở vật chất của nhà trường đồng thời góp phần tạo niềm tin trong công tác giáo dục của trường.

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Đình Biên**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU  
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 01 tháng 7 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục năm học 2023- 2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10 – 8 lớp	Lớp 11 – 9 lớp	Lớp 12 – 9 lớp
I	Điều kiện tuyển sinh	- Thi tuyển theo chỉ tiêu được giao: 317	- Đủ điều kiện lên lớp 100%	- Đủ điều kiện thi TN THPT 100%
II	Chương trình giáo dục mới	Chương trình GDPT 2018	Ban cơ bản kết hợp với số tiết tự chọn theo chủ đề	Ban cơ bản kết hợp với số tiết tự chọn theo chủ đề
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Họp CMHS định kỳ 2 lần/ năm học. - Nghiêm túc	- Họp CMHS định kỳ 2 lần/ năm học. - Nghiêm túc	- Họp CMHS định kỳ 3 lần/ năm học. - Nghiêm túc
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	- Đầy đủ phòng học - Phòng thí nghiệm thực hành, Phòng nghe nhìn, phòng thực hành tin, phòng đọc sách.	- Đầy đủ phòng học - Phòng thí nghiệm thực hành, Phòng nghe nhìn, phòng thực hành tin, phòng đọc sách.	- Đầy đủ phòng học - Phòng thí nghiệm thực hành, Phòng nghe nhìn, phòng thực hành tin, phòng đọc sách.
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Hoạt động ngoài giờ lên lớp, hội thảo chuyên đề, đồ vui để học, hoạt động ngoại khóa...	Hoạt động ngoài giờ lên lớp, hội thảo chuyên đề, đồ vui để học, tham quan dã ngoại...	Hoạt động ngoài giờ lên lớp, hội thảo chuyên đề, đồ vui để học, tham quan dã ngoại...
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	- Trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn. - Phương pháp quản lý phân cấp	- Trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn. - Phương pháp quản lý phân cấp	- Trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn. - Phương pháp quản lý phân cấp
VII	Đáp ứng chất lượng về sức khỏe, có năng lực, phẩm chất, học tập	Đáp ứng chất lượng về sức khỏe, có năng lực, phẩm chất, học tập tốt	Đáp ứng chất lượng về sức khỏe, có năng lực, phẩm chất, học tập tốt	Đáp ứng chất lượng về sức khỏe, có năng lực, phẩm chất, học tập tốt
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Khả năng học tiếp tục chương trình lớp 99%	Khả năng học tiếp tục chương trình lớp 12 là 100%	Khả năng học tiếp tục chương trình Đại học, cao đẳng, CCN 70.0%

**Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 01 tháng 07 năm 2024**  
**Thủ trưởng đơn vị**

**Nguyễn Đình Biên**

## Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU  
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 01 tháng 7 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường**  
**Năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	...
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>971</b>	<b>317</b>	<b>324</b>	<b>330</b>	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	<b>903</b> <b>92,99%</b>	289 91,16%	295 91,05%	319 96,66%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	<b>59</b> <b>6,07%</b>	26 8,99%	22 6,79%	11 3,34%	
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	<b>9</b> <b>0,94%</b>	2 0,15%	7 2,17%	0 0,0%	
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0</b>	0	0	0	
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>971</b>	<b>317</b>	<b>324</b>	<b>330</b>	
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	<b>84</b> <b>8,65%</b>	17 5,36%	33 10,18%	34 10,30%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	<b>577</b> <b>61,19%</b>	162 51,10%	163 50,30%	252 76,36%	
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	<b>297</b> <b>30,58%</b>	129 40,69%	121 37,34%	44 13,34%	
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	<b>16</b> <b>1,35%</b>	9 2,85%	7 2,18%	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0</b>	0	0	0	
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>971</b>	<b>317</b>	<b>324</b>	<b>330</b>	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	<b>969</b> <b>99,79%</b>	315 99,36%	324 100%	330 100%	
a	Học sinh giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	<b>84</b> <b>8,65%</b>	17 5,36%	33 10,18%	34 10,30%	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	<b>252</b> <b>76,36%</b>	0	0	<b>252</b> <b>76,36%</b>	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0</b>	16 5,04%	0	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0</b>	2 0,63%	0	0	
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	<b>7</b>	0	6/7	1/7	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0</b>	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	<b>1</b>	1	0	0	

<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	
1	Cấp tỉnh/thành phố	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	<b>330</b>				
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					Không xếp loại
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					Không xếp loại
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					Không xếp loại
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)</b>					
<b>VIII</b>	Số học nữ	<b>516/971</b>	168/317	164/324	186/330	
<b>IX</b>	Số học sinh dân tộc thiểu số	<b>8</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	

*Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 01 tháng 7 năm 2024*  
Thủ trưởng đơn vị

**Nguyễn Đình Biên**

## Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU  
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 01 tháng 7 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
Công khai thông tin cơ sở vật chất  
Năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	30	1,3 m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	30	1,3 m <sup>2</sup> /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	08	-
6	Số phòng đa chức năng(có phương tiện nghe nhìn)	08	
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	37,34	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>		-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	19.845,3m <sup>2</sup>	
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	2.480	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	6.645	
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	30	46m <sup>2</sup>
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	05	46m <sup>2</sup>
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	01	128m <sup>2</sup>
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	01	800m <sup>2</sup>
10	Phòng Đoàn	01	40m <sup>2</sup>
<b>VII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	110	9 học sinh/bộ
<b>VIII</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>		<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Màn hình cảm ứng	30	1/1
2	Cát xét	20	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Máy vi tính phòng bộ môn	5	
6	Máy tính xách tay (Laptop)	4	
7	Máy tính phòng giáo viên	2	
8	Máy tính các phòng ban	12	
9	Máy quay phim	0	
10	Máy chụp hình	0	

11	Thanh tương tác	0	
12	Máy in	11	
13	Máy Fax	1	
15	Máy Photo	2	
16	Máy Scan	2	
17	Camera an ninh	48	
18	Thiết bị chống trộm	01	
19	Bộ thiết bị Màn hình cảm ứng	30	30/30

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	0	0	0
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>	0	0	0

<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	8	4/4	0,39m <sup>2</sup>	-
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0			

(\*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/ 9/2020 của BGDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

	Nội dung	Có	Không
<b>XV</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	x	
<b>XVI</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>	x	
<b>XVII</b>	<b>Kết nối internet</b>	x	
<b>XVIII</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b>	x	
<b>XIX</b>	<b>Tường rào xây</b>	x	

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 01 tháng 7 năm 2024  
**Thủ trưởng đơn vị**

**Nguyễn Đình Biên**





7	Nhân viên y tế	1					1					1			
8	Nhân viên thư viện	1					1					1			
9	Bảo vệ	2						2				2			
10	Phục vụ	1						1				1			

*Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 01 tháng 7 năm 2024*  
**Thủ trưởng đơn vị**

**Nguyễn Đình Biên**